

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 15-6-2021

*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
và nghĩa vụ trả nợ khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Trường

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Túc

Bà Trần Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Minh Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Quý Thanh - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 01/2021/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con và nghĩa vụ trả nợ khi ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2021/QĐ-PT ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Hà C, sinh năm 1977; địa chỉ: Đội T, xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân L, sinh năm 1993; địa chỉ: Đội T, xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1973; địa chỉ: Đội T, xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; địa chỉ: Đội T, xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình.

3. Chị Bùi Thị K, sinh năm 1977; địa chỉ: xóm Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

4. Chị Trần Thị T1, sinh năm 1969; địa chỉ: xóm T, xã N, huyện T, tỉnh Hòa Bình

5. Chị Trần Thị D, địa chỉ: SN 124, khu B, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*. Nguyên đơn chị Dương Thị Hà C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân L tự nguyện tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình vào ngày 27/4/2017. Trong thời gian chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách sống trái ngược nhau, bất đồng quan điểm, anh L còn có hành vi đánh đập chị, chị và anh L sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân L.

Về con chung: Chị và anh L có một con chung là cháu Nguyễn Khánh D, sinh ngày 21/12/2017. Hiện tại cháu đang ở với anh L. Khi ly hôn nguyện vọng của chị là muốn trực tiếp nuôi con. Hiện tại chị đang bán hàng cho cửa hàng Điện máy xanh tại huyện T, Hà Nội, thu nhập trung bình khoảng 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/ 1 tháng nên đảm bảo điều kiện nuôi con. Chị chưa yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Sau khi kết hôn mẹ chị là bà Nguyễn Thị T đã mang sang cho chị sử dụng một số tài sản gồm: 01 bộ bàn ghế; 01 tivi; 01 máy giặt; 01 điều hòa; 01 quạt trần; 01 bình nóng lạnh. Toàn bộ số tài sản trên anh L đang quản lý sử dụng, anh L đồng ý trả lại tài sản thì chị đồng ý trả lại số tiền chênh lệch tài sản đã thỏa thuận ngày 19/4/2020.

Về công nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án anh L khai ra các khoản nợ tiền mua cám, gạo sau: Nợ bà Bùi Thị K: 14.518.000 đồng; nợ bà Trần Thị T1: 69.635.000 đồng; nợ bà Trần Thị D: 161.309.000 đồng. Việc vay mượn trên là của anh L lấy hàng chị không biết nên không có trách nhiệm trả nợ.

Sau khi kết hôn chị và anh L vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 120.000.000 đồng. Cụ thể các lần vay:

- Lần 1: Vào cuối năm 2017 chị và anh L vay 100.000.000 đồng. Khi lấy tiền có cả hai vợ chồng

- Lần 2: Năm 2019 chị và anh L vay thêm 10.000.000 đồng, chị và anh L là người trực tiếp lấy tiền từ bà T.

- Lần 3: Năm 2019 chị và anh L vay 10.000.000 đồng, bà T là người trực tiếp mang tiền xuống cho vợ chồng chị

Quan điểm của chị khi ly hôn về các khoản nợ của bà Nguyễn Thị T: chị và anh L phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền đã vay của bà T.

*. Tại các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Xuân L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân anh thống nhất như chị C trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính cách sống trái ngược nhau. Hiện nay vợ chồng anh đã ly thân nhau, chị C khởi kiện xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh đồng ý trình bày của chị C về con chung. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung và chưa yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Anh có nhà cửa và thu nhập từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/ 1 tháng, đủ điều kiện và khả năng nuôi con.

Về tài sản: Không có tài sản chung nhưng sau khi kết hôn bà T mẹ chị C có mang sang một số tài sản gồm: 01 bộ bàn ghế; 01 tivi; 01 máy giặt; 01 điều hòa; 01 quạt trần; 01 bình nóng lạnh. Sau khi ly hôn anh sẽ trả lại cho bà T toàn bộ số tài sản đó. Còn chiếc máy xay sạt là của ông Nguyễn Xuân Đ tự mua anh không biết. Đối với số tiền 20.000.000 đồng đã thỏa thuận về chênh lệch tài sản sau khi ly hôn, chị C yêu cầu trả lại anh đồng ý.

Đối với các khoản vay của bà T mà chị C khai ra anh không biết nên không có trách nhiệm trả.

Về công nợ: Trong quá trình chung sống anh và chị C có nợ của những người sau: Nợ bà Bùi Thị K: 14.518.000 đồng; nợ bà Trần Thị T1: 69.635.000 đồng; nợ bà Trần Thị D: 161.309.000 đồng. Anh yêu cầu khi ly hôn mỗi người trả một nửa.

*. Trong quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Nguyễn Thị T trình bày: Năm 2017 sau khi con gái là chị Dương Thị Hà C kết hôn với anh Nguyễn Xuân L thì bà có mang sang nhà anh L một số tài sản mục đích là để cho con gái sử dụng gồm: 01 bộ bàn ghế; 01 tivi; 01 máy giặt; 01 điều hòa; 01 quạt trần; 01 bình nóng lạnh. Toàn bộ số tài sản trên đều có hóa

đơn mua bán đều đứng tên bà, nay chị C và anh L ly hôn bà đề nghị trả lại cho bà toàn bộ số tài sản đó.

Vào cuối năm 2017 bà T có đưa cho ông Đ (bố anh L) số tiền 47.000.000 đồng để mua máy xay sát, khi đưa tiền có anh Bùi Văn D làm chứng. Nay vợ chồng C L ly hôn bà yêu cầu ông Đ trả lại chiếc máy xay sát, nếu ông Đ sử dụng thì ông Đ phải trả lại cho bà 47.000.000 đồng.

Ngoài số tài sản bà còn cho anh chị C L vay tổng số tiền 120.000.000 đồng cụ thể: Lần 1: Vào cuối năm 2017 chị và anh L vay 100.000.000 đồng. Khi lấy tiền có cả hai vợ chồng. Lần 2: Năm 2019 C L vay thêm 10.000.000 đồng. Lần 3: Năm 2019 C L vay thêm 10.000.000 đồng, tôi là người trực tiếp mang tiền xuống cho vợ chồng C L. Nay anh chị C L ly hôn bà yêu cầu chị C và anh L phải có trách nhiệm trả nợ cho bà, bà không yêu cầu tính lãi suất.

- Bà Bùi Thị K trình bày: Khoảng tháng 8/2019 bà giao hàng cám và gạo cho vợ chồng anh C L, trong quá trình buôn bán làm ăn vợ chồng C L nợ bà số tiền 14.518.000 đồng, nay vợ chồng C L ly hôn và yêu cầu cả hai phải có trách nhiệm trả nợ cho bà, bà không yêu cầu tính lãi suất.

- Bà Trần Thị T1 trình bày: Từ năm 2018 bà giao hàng cho vợ chồng C L chủ yếu là gạo và lúa, lúc thì anh L gọi lấy hàng, lúc thì chị C gọi lấy hàng. Khi giao hàng có hôm anh L nhận, hôm thì chị C nhận, khi thì trả tiền ngay, khi thì nợ lại, khi nợ lại bà ghi vào sổ, chốt sổ đến ngày 28/12/2019 vợ chồng C L còn nợ bà là 69.635.000 đồng. Nay vợ chồng C L ly hôn, bà yêu cầu cả hai phải có trách nhiệm trả nợ cho bà, bà không yêu cầu tính lãi suất.

- Bà Trần Thị D trình bày: từ 09/4/2018 vợ chồng C L đến cửa hàng bà mua hàng chủ yếu là đậu tương, cám, gạo. Trong thời gian mua hàng lúc thì anh L gọi lấy hàng, lúc thì chị C gọi; khi giao hàng có hôm anh L nhận hàng, có hôm chị C nhận hàng, khi thì trả tiền ngay khi thì nợ lại, những hôm nợ lại bà ghi vào sổ, chốt đến ngày 30/11/2019 vợ chồng C L còn nợ bà 161.309.000 đồng. Nay vợ chồng C L ly hôn bà yêu cầu cả hai phải có trách nhiệm trả nợ cho bà, bà không yêu cầu tính lãi suất.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành hòa giải nhưng hai bên đương sự không thỏa thuận được.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 03/2021/HNGĐ-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình đã xét xử quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 229; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân

sự 2015; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 27; Điều 37; khoản 1 Điều 51; Điều 55; 58; 59; 60; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Hà C

Chấp nhận yêu cầu chia công nợ của anh Nguyễn Xuân L

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị Hà C và anh Nguyễn Xuân L.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Xuân L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Khánh D, sinh ngày 21/12/2017 đến khi cháu D đủ 18 tuổi, anh L chưa yêu cầu chị C phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về nghĩa vụ tài sản: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Anh Nguyễn Xuân L phải trả cho bà Nguyễn Thị T một số tài sản sau: 01 bộ bàn ghế; 01 tivi; 01 máy giặt; 01 điều hòa; 01 quạt trần; 01 bình nóng lạnh.

- Chị Dương Thị Hà C trả lại cho anh Nguyễn Xuân L 20.000.000 đồng tiền thỏa thuận về việc để lại tài sản ngày 19/4/2020.

4. Bà Nguyễn Thị T có quyền khởi kiện buộc ông Nguyễn Xuân Đ phải trả cho bà 47.000.000 đồng (tiền đưa mua máy xay sạt) trong một vụ án độc lập khi bà T có yêu cầu.

5. Bà Nguyễn Thị T có quyền khởi kiện buộc anh Nguyễn Xuân L, chị Dương Thị Hà C trả cho bà số tiền 120.000.000 đồng trong vụ án độc lập khi bà T có yêu cầu.

6. Về công nợ.

- Buộc chị Dương Thị Hà C phải trả cho bà Trần Thị T1 số tiền 69.635.000 đồng.

- Buộc anh Nguyễn Xuân L phải trả cho cho bà Trần Thị D 161.309.000 đồng và trả cho bà Bùi Thị K 14.518.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền thăm nom chăm sóc con, về chi phí tố tụng, về việc thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02/02/2021 chị Dương Thị Hà C kháng cáo bản án sơ thẩm với nội D: Không nhất trí việc Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình giao con cho anh Nguyễn Xuân L; Không nhất trí việc Tòa án buộc chị phải trả nợ cho bà Trần Thị T1 là 69.635.000 đồng.

Ngày 02/02/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm với nội D: Không nhất chí việc Tòa án tách yêu cầu của bà buộc ông Nguyễn Xuân Đ trả bà 47.000.000 đồng và vợ chồng C L trả bà 120.000.000 đồng để giải quyết ở vụ án khác. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết ngay trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, chị Dương Thị Hà C có đơn xin rút yêu cầu kháng cáo về việc giao con chung cho anh L nuôi dưỡng; chị đồng ý để anh L trực tiếp nuôi dưỡng con như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về việc chấp hành pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm, thẩm phán chủ tọa phiên tòa, thư K tòa án và các thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân Đ không thực hiện đúng nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Nguyên đơn và các đương sự khác đều đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của các đương sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 289, khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: Đình chỉ xét xử kháng cáo của chị Dương Thị Hà C về việc giao con chung cho anh Nguyễn Xuân L trực tiếp nuôi dưỡng; Hủy một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình về phần nghĩa vụ trả nợ khi ly hôn.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh L tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Dương Thị Hà C khởi kiện vụ án ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Xuân L có địa chỉ tại Đội T, xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy

định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Dương Thị Hà C và bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 272, 273, 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân Đ, bà Trần Thị D Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, chị Dương Thị Hà C có đơn xin rút yêu cầu kháng cáo về việc giao con chung cho anh L nuôi dưỡng; chị đồng ý để anh L trực tiếp nuôi dưỡng con như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên. Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên đơn rút một phần nội dung kháng cáo là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó căn cứ Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của nguyên đơn Dương Thị Hà C về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[2.2]. Đối với kháng cáo của chị Dương Thị Hà C không đồng ý trả nợ cho bà Trần Thị T1 số tiền 69.635.000 đồng, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Tại cấp sơ thẩm, bị đơn anh Đ Xuân L xuất trình 03 tài liệu về việc vay nợ tiền hàng, cụ thể: nợ bà Bùi Thị K 14.518.000 đồng, nợ bà Trần Thị T1 69.635.000 đồng và nợ bà Trần Thị D 161.309.000 đồng. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị D, Trần Thị T1, Trần Thị K cũng có lời khai về việc cho vợ chồng C L nợ tiền mua gạo, ngô, cám... với số tiền như trên. Tuy nhiên, các chứng từ trên đều là bản viết tay hoặc là bản phô tô mà không phải là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp và Tòa án cấp sơ thẩm cũng không xác minh thu thập các tài liệu gốc của các khoản nợ này nên các giấy tờ trên không đảm bảo thuộc tính của chứng cứ theo quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị C cho rằng không được biết các khoản nợ trên nên không có trách nhiệm trả nợ và cũng không được K vào biên bản đối chiếu công nợ với chị Trần Thị D nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất giữa các đương sự để làm rõ các nội dung chưa thống nhất, chưa xác minh làm rõ nguồn hàng mua về sau khi bán được thì ai quản lý tiền, tiền bán được chi dùng vào việc gì mà không dùng để trả nợ tiền hàng... mà chỉ căn cứ vào lời khai của anh L và những người liên quan là người cho nợ để kết L vợ chồng C L nợ tiền

mua hàng của bà D, bà T1, bà K là chưa có cơ sở vững chắc. Mặt khác, trong quá trình giải quyết ở Tòa án cấp phúc thẩm chị C cho rằng khi vợ chồng làm thủ tục ly hôn ở cấp phúc thẩm thì số hàng gạo, cám, ngô mua về vẫn còn tồn trong cửa hàng của vợ chồng C L nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh, thẩm định rõ số tài sản này. Những sai sót trên trong việc thu thập tài liệu chứng cứ để xác định tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ khi ly hôn của Tòa án cấp sơ thẩm không thể khắc phục được ở cấp phúc thẩm.

[2.3]. Đối với kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị T không nhất chí việc Tòa án cấp sơ thẩm tách yêu cầu của bà buộc ông Nguyễn Xuân Đ trả bà 47.000.000 đồng và vợ chồng C L trả bà 120.000.000 đồng để giải quyết ở vụ án khác; Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết ngay trong vụ án này. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn chị Dương Thị Hà C có trình bày vợ chồng C L có nợ bà Nguyễn Thị T số tiền 120.000.000 đồng và bà T có đưa cho ông Đ 47.000.000 đồng để mua máy xay sát nên khi vợ chồng ly hôn phải có trách nhiệm trả cho bà T các khoản tiền trên. Sau khi chị C có ý kiến trên thì bà T cũng có yêu cầu tương tự, bà yêu cầu vợ chồng C L phải trả bà số tiền 120.000.000 đồng và ông Đ phải trả lại chiếc máy xay sát hoặc trả bà số tiền 47.000.000 đồng. Như vậy, trong vụ án này bà Nguyễn Thị T là người có quyền, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn mà không phải là người có quyền, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Do vậy, bà Nguyễn Thị T không phải nộp tiền tạm ứng án phí. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Nguyễn Thị T là người có quyền, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập từ đó tách yêu cầu của bà T ra để giải quyết ở vụ án khác khi có yêu cầu do bà T không nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu của mình là không đúng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Từ những phân tích trên thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung được. Do vậy, cần hủy một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm về phần nghĩa vụ trả nợ khi ly hôn để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Các yêu cầu của chị Dương Thị Hà C và bà Nguyễn Thị T sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật khi Tòa án giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí: Chị Dương Thị Hà C và bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung kháng cáo của nguyên đơn Dương Thị Hà C về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

2. Hủy một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình về phần nghĩa vụ trả nợ khi ly hôn. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

3. Án phí: Chị Dương Thị Hà C và bà Nguyễn Thị T không phải nộp án phí phúc thẩm; mỗi người được hoàn lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0003898 và 0003899 ngày 02/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Phong.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 15/6/2021.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- TAND H. Cao Phong;
- Chi cục THADS H. Cao Phong;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Trường